

chứng chỉ chuyên môn hoa tiêu hàng hải ban hành kèm theo Quyết định số 2384/QĐ-PC ngày 17/11/1994 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải vẫn tiếp tục có hiệu lực cho tới khi Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức được khóa thứ nhất huấn luyện, bồi dưỡng cập nhật và tổ chức thi, cấp các loại Chứng chỉ chuyên môn hoa tiêu hàng hải theo những quy định của Quy chế này.

2. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm chuẩn bị và trình Bộ Giao thông vận tải để phê duyệt dự thảo chương trình huấn luyện, bồi dưỡng cập nhật, đề án về cơ sở huấn luyện và mẫu Chứng chỉ chuyên môn hoa tiêu hàng hải theo những quy định của Quy chế này trước ngày 01 tháng 2 năm 2001.

Điều 18.

1. Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn cách thức, thủ tục và thực hiện chuyển đổi các loại Chứng chỉ chuyên môn hoa tiêu hàng hải cũ sang Chứng chỉ chuyên môn hoa tiêu hàng hải mới tương ứng.

2. Việc chuyển đổi Bằng hoa tiêu hàng hải và Giấy phép vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải đã được cấp theo những quy định kèm theo Quyết định số 2384/QĐ-PC ngày 17/11/1994 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sang các Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải và Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải mới tương ứng phải hoàn thành trước ngày 01 tháng 2 năm 2005.

3. Các loại Bằng hoa tiêu hàng hải và Giấy phép vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải đã được cấp theo những quy định kèm theo Quyết định số 2384/QĐ-PC ngày 17/11/1994 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tiếp tục có giá trị sử dụng đến ngày 01 tháng 2 năm 2005.

4. Sau ngày 01 tháng 2 năm 2005, các loại Bằng hoa tiêu hàng hải và Giấy phép vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải nói tại khoản 3 Điều này sẽ hết hiệu lực.

Điều 19. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và lao động tổ chức hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
Thứ trưởng

LÃ NGỌC KHUÊ

BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG

QUYẾT ĐỊNH số 117/2000/QĐ-BKHCNMT
ngày 26/1/2000 ban hành Danh
mục hàng hóa xuất nhập khẩu
phải kiểm tra nhà nước về chất
lượng năm 2000.

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa ngày 27 tháng 12 năm 1990;

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 86/CP ngày 08 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu phải kiểm tra nhà nước về chất lượng năm 2000.

Điều 2. Các tổ chức, cá nhân xuất nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục nói ở Điều 1 và các cơ

quan kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng và các cơ quan nhà nước có liên quan tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Thứ trưởng

BÙI MẠNH HẢI

DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU PHẢI KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG NĂM 2000

(ban hành kèm theo Quyết định số 117/2000/QĐ-BKHCNMT ngày 26/1/2000 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).

1. Các hàng hóa nhập khẩu.

1.1. Phần Bộ Y tế phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường:

* Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng:

- Các Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1, 2, 3;
- Viện Dinh dưỡng, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Vệ sinh Y tế công cộng thành phố Hồ Chí Minh và Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên.

Nhóm	Mã số HS(1)	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
0401	0401.10	Sữa và kem chưa cô đặc, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác - Có hàm lượng chất béo không quá 1%	- TCVN 5860 - 1994 và Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế (chỉ tiêu vi sinh)

Nhóm	Mã số HS(1)	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
0402	0401.20	- Có hàm lượng chất béo trên 1% nhưng không quá 6%	- nt -
	0401.30	- Có hàm lượng chất béo trên 6%	- nt -
	0402.10	Sữa và kem đã cô đặc, đã pha thêm đường hoặc chất ngọt khác - Dạng bột, hạt nhỏ hoặc dưới dạng các thể rắn khác có hàm lượng chất béo không quá 1,5% - Dạng bột, hạt nhỏ hoặc dưới dạng các thể rắn khác có hàm lượng chất béo trên 1,5% - Sữa đặc có đường	- TCVN 5538-1991 và Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế - TCVN 5540-1991 và Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế - TCVN 5539-1991 và Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế
1101	Bột mỳ hoặc bột meslin ... 1101.10 - Bột mỳ	- TCVN 4359: 1996 và Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế	
1507	Dầu đậu tương - Dầu đậu tương và các thành phần của dầu đậu tương, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế	
1508	1507.90	- Loại khác	-nt-
	1508.90	Dầu lạc - Dầu lạc và các thành phần của dầu lạc, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học	- TCVN 6047:1995 và Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế
1509	1508.90	- Loại khác	-nt-
	1509.90	Dầu ô lư - Dầu ô lư và các thành phần của dầu ô lư, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học - Nguyên chất, đã qua tinh chế	- TCVN 6046:1995 và Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế -nt-
	1509.90	- Loại khác	-nt-

(1) Mã số hàng hóa xuất nhập khẩu HS (Harmonized System) được tham khảo theo Biểu Thuế và Danh mục xuất nhập khẩu, do Tổng cục Thống kê ban hành.

09660300

Nhóm	Mã số HS	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
1511	1511.10	Dầu cọ - Dầu cọ và các thành phần của dầu cọ, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học: - Dạng lỏng (palm olein, palm oil) - Dạng đông đặc để làm nguyên liệu hoặc sản xuất Shortening (palm stearine)	- TCVN 6048:1995 và Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế -nt- -nt-
1515	1511.90	- Loại khác - Mỡ và dầu thực vật đông đặc khác và các thành phần của chúng, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học	-nt- - Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế
1602		Thịt, các bộ phận nội tạng dạng thịt đã chế biến hoặc bảo quản khác - Thịt và các sản phẩm từ thịt đóng hộp	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế
1604	1604.13	Cá chế biến khác... - Đồ hộp cá trích	Codex Stand 94-1981 28 TCN 106 : 1997 (vi sinh, histamin, hàm lượng kim loại nặng)
1905	1604.14	- Đồ hộp cá ngừ - Bánh mì, bánh ngọt, bánh quy, các loại bánh khác có hoặc không có chứa cacao	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế
2001		Rau, quả, quả hạch và các phần ăn được của cây, đã chế biến hoặc bảo quản bằng giấm hay axit axetic - Đồ hộp rau quả các loại	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế
2009		Nước quả ép (kể cả hèm rượu nho), nước rau ép chưa lên men và chưa pha rượu có hoặc chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác - Nước quả ép các loại	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế
2905	2905.44	Các loại rượu mạch hở và các chất dẫn xuất của nó - Chất ngọt tổng hợp D-Glucitol/Sorbitol	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế

09660300

Nhóm	Mã số HS	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
2912		Các chất Andehyt có hoặc không có chứa oxy khác ...	
	2912.41	- Vanilin thực phẩm	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế
	2912.42	- Ethylvanilin thực phẩm	- nt-
2924		Các hợp chất chứa cacboxyamid ...	
	2924.10	- Chất ngọt tổng hợp Aspartam	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế
2925		Các hợp chất chứa cacboxyimit ...	
	2925.11	- Chất ngọt tổng hợp saccarin và muối của chúng	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế
3204		Chất màu tổng hợp hữu cơ đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học	
	3204.00	- Chất màu tổng hợp hữu cơ dùng trong thực phẩm	- Quy định 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế
3302		Hỗn hợp các chất thơm và các hỗn hợp...	
	3302.10	- Hỗn hợp các chất thơm dùng trong ngành sản xuất thực phẩm hoặc sản xuất đồ uống	- Quy định 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế

09660300

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

1.2. Phân thuộc trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường:

- * Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng:
- Các Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1, 2, 3;
- Cục Bảo vệ thực vật.

Nhóm	Mã số HS	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
3102		Phân khoáng hoặc phân hóa học có chứa nitơ	
	3102.10	- Urê, có hoặc không ở dạng dung dịch lỏng	TCVN 2619 - 94
		- Sunphat amoni, muối kép và hỗn hợp của sun phat amoni và nitrat amoni	- nt-
3103		Phân khoáng hoặc phân hóa học có chứa phốt phát	
	3103.10	- Super phốt phát	TCVN 4440 - 87

Nhóm	Mã số HS	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra		
3105	3105.51	Phân khoáng hoặc phân hóa học... - Phân có chứa 2 thành phần nitơ và phốt pho	TCVN 6166-96		
	3105.59	- Các loại phân khác	TCVN 6167-96 TCVN 6168-96 TCVN 1078-85		
3808*	3808.10	Thuốc trừ sâu, thuốc trừ loài gặm nhấm, thuốc diệt nấm, diệt cỏ...	TCVN 2740-86 TCVN 2741-86 TCVN 2742-86 TCVN 4541-88 TCVN 4542-88		
		- Thuốc trừ sâu			
		3808.20		- Thuốc diệt nấm	TCVN 4543-88
		3808.30		- Thuốc diệt cỏ	TCVN 3711-82 TCVN 3712-82 TCVN 3713-82 TCVN 3714-82
	3808.40	- Thuốc khử trùng	TCVN 4541-88 TCVN 4543-88		
3808.90	- Loại khác	10TCN 233-95 TCVN 4543-88 TC 90-98-CL			

(*) Các sản phẩm này phải theo quy định hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam.

1.3. Phân thuộc trách nhiệm của Bộ Công nghiệp phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường:

* Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng:

- Phòng thí nghiệm thuộc Xí nghiệp Hóa chất mỏ Quảng Ninh;
- Trung tâm Vật liệu nổ thuộc Viện Kỹ thuật quân sự - Bộ Quốc phòng - Gia Lâm, Hà Nội.

Nhóm	Mã số HS	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
2834	2834.10	Nguyên liệu - Nitrat Amôn	- GOCT 4564 - 81 (Sức phá trụ chì, mm) - GOCT 3250.58 (Tốc độ truyền nổ, Km/s) - GOCT 5984.51 (Khả năng sinh công, cm ³)

Nhóm	Mã số HS	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
3602	3602.00	Thuốc nổ - TNT Trung Quốc - P3151 - Syperdyne	-nt- -nt- -nt-
3603	3603.00	Phụ kiện nổ các loại - Phụ kiện nổ của hãng ICI (Úc) - Phụ kiện nổ của hãng IDL (Ấn Độ) - Dây nổ các loại - Kíp nổ các loại	-nt- -nt- ГОСТ 3250.58 (Tốc độ truyền nổ) Tiêu chuẩn của Trung tâm Vật liệu nổ - Bộ Quốc phòng (Cường độ nổ)

1.4. Phân thuộc trách nhiệm của Bộ Thủy sản phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

* Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng:

- Cục Bảo vệ Nguồn lợi thủy sản;
- Trung tâm Kiểm tra chất lượng và vệ sinh thủy sản;
- Các Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1, 2, 3.

Nhóm	Mã số HS	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
2309	2309.90	Chế phẩm dùng làm thức ăn cho động vật nuôi - Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho tôm	28 TCN 102 : 1997 (Chỉ tiêu Protein thô, Salmonella, Aspergillus flavus, Aflatoxin)

1.5. Phân thuộc trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường:

- * Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng:
- Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Nhóm	Mã số HS	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
8702	8702.10	Xe có động cơ dùng để vận chuyển hành khách công cộng - Loại lắp động cơ pít-tông đốt trong khởi động bằng sức nén (diesel hoặc nửa diesel)	Quyết định số 1944/1999/QĐ-BGTVT ngày 07/8/1999 TCVN 6436-98 TCVN 6438-98
	8702.90	- Loại khác	TCVN 5749-93 22 TCN-224-95

09660300

www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3845 6684 * LawSofit

Nhóm	Mã số HS	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
8703		Xe ô tô và các loại xe khác có động cơ được thiết kế chủ yếu để chở người....	
	8703.21	- Xe có động cơ pít - tông đốt trong đánh lửa bằng tia lửa	Quyết định số 1944/1999/QĐ-BGTVT ngày 07/8/1999
	8703.22÷90	- Dung tích xi lanh không quá 1000 cc - Dung tích xi lanh trên 1000 cc nhưng không quá 1500 cc	TCVN 6436-98 TCVN 6438-98 22 TCN-224-95
8704		Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa	
	8704.10÷90	- Xe có động cơ pít-tông đốt trong khởi động bằng sức nén - Xe có động cơ pít-tông đốt trong đánh lửa bằng tia lửa	Quyết định số 1944/1999/QĐ-BGTVT ngày 07/8/1999 TCVN 6436-98 TCVN 6438-98 TCVN 4162-85 22 TCN-224-95
8705		Xe chuyên dùng có động cơ	
	8705.10	- Xe chở cần cẩu	Quyết định số 1944/1999/QĐ-BGTVT ngày 07/8/1999
	8705.20	- Xe cần trục khoan	TCVN 6436-98
	8705.40	- Xe trộn bê tông	TCVN 6438-98
	8705.90	- Loại khác	22 TCN-224-95

1.6. Phần thuộc trách nhiệm của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường:

* Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng:

- Các Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1, 2, 3.

Nhóm	Mã số HS	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
2523		Xi măng pooclăng, xi măng alumin (có phèn)...	
	2523.10	- Xi măng pooclăng	TCVN 2682-1999
2710		Xăng dầu và các loại dầu chế biến từ khoáng chất...	
	2710.11.10	- Xăng ô tô	TCVN 5690-1998 và GOCT 2084-77 (A76)

Nhóm	Mã số HS	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
3403	3403.10	Các chế phẩm bôi trơn - Dầu nhờn động cơ (trừ dầu động cơ turbine các loại) đựng trong bao bì dưới 20 lít - Dầu nhờn động cơ (trừ dầu động cơ turbine các loại) chưa có bao bì hoặc đựng trong bao bì từ 20 lít trở lên	Thông tư liên tịch số 565/KCM-TM ngày 15/5/1997 giữa Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường - Bộ Thương mại -nt-
7213	7213.10 7213.20	Thép không hợp kim ở dạng thỏi, thanh xoắn không đều, được cán nóng - Thép tròn cán nóng và thép cốt bê tông cán nóng dùng trong xây dựng	TCVN 6283-1: 1997 TCVN 1765-75 TCVN 6285-1997 TCVN 3104-79
7216	7216	Thép không hợp kim ở dạng các hình (L, U, I, H, T...) - Thép hình dùng trong xây dựng	TCVN 1654-75 TCVN 1655-75 TCVN 1656-1993 TCVN 1657-1993 TCVN 5709-1993
7413	7413.00	Dây bện tao, cáp, dây tết và các loại tương tự bằng đồng chưa cách điện - Cáp đồng	TCVN 5064-1994 TCVN 5064-1994/SĐ1-95
7614	7614.10 7614.90	Dây bện tao, cáp, băng tết và các loại tương tự bằng nhôm, chưa cách điện - Có lõi thép (dây trần dùng cho đường dây tải điện trên không) - Loại khác	TCVN 5064-1994/Sđ1 (1995) và TCVN 5064-1994 - nt -
8414	8414.51	Bơm không khí... và các loại quạt không khí - Quạt bàn, quạt sàn, quạt tường, quạt cửa sổ, quạt trần hay quạt mái nhà có động cơ điện kèm theo với công suất không quá 125W	TCVN 4264-1994
8501	8501.10 + 8501.64	Động cơ điện và máy phát điện (trừ tổ máy phát điện) - Các loại động cơ điện và máy phát điện	TCVN 1987-1994 TCVN 3817-83 TCVN 4757-89 TCVN 4758-89

Nhóm	Mã số HS	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
8502	8502.11 + 8502.30	Tổ máy phát điện và máy đổi dòng dạng động - Tổ máy phát điện	TCVN 4757-89 TCVN 4758-89
8516	8516.10 8516.21 8516.31 8516.40 8516.60	Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời hay bình điện đun và chứa nước nóng, dụng cụ điện thả trong nước, dụng cụ sưởi điện và các thiết bị sấy đốt, thiết bị uốn tóc làm đầu bằng nhiệt điện - Dụng cụ đun nước, que đun điện, bếp điện, bình đun nước bằng điện - Lò sưởi giữ nhiệt - Máy sấy tóc - Bàn là điện - Dụng cụ đun nấu bằng điện khác	TCVN 5699-1 : 1998 TCVN 5854-1994 TCVN 5699-1 : 1998 - nt - - nt - TCVN 5699-1 : 1998 TCVN 5393-91 TCVN 5130-1993
8536	8536.50 8536.69	Thiết bị dùng để chuyển mạch hay bảo vệ mạch điện hoặc để tiếp nối hoặc dùng trong mạch điện (ví dụ bộ phận chuyển mạch rơ le, cầu chì, bộ phận thu lỗi, bộ khống chế điện áp, bộ phận triệt xung điện, phích nối, hộp tiếp nối dùng cho điện áp không quá 1000V) - Công tắc điện - Cầu dao và cầu dao đảo chiều - Ổ và phích cắm điện 1 pha	TCVN 1834-1994 TCVN 2282-1993 TCVN 6188-1 : 1996 TCVN 6190-1996
8544	8544.11	Dây cáp cách điện...và dây dẫn điện đã được cách điện... - Dây điện bọc nhựa PVC , PE	TCVN 2103-1994 và TCVN 2103-1994/Sd1(1995)
9026	9026.10	Dụng cụ và thiết bị đo hay kiểm tra lưu lượng... - Đồng hồ đo nước lạnh các loại giới hạn đường kính đến 100 mm	TCVN 5759-1993. Quy trình kiểm định ĐLVN 51-1994

Nhóm	Mã số HS	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
9501	9501.00	Đồ chơi - Đồ chơi có bánh xe được thiết kế dùng cho trẻ em điều khiển	TCVN 5682-1992 TCVN 6238-1 : 1997 (An toàn đồ chơi trẻ em - Yêu cầu cơ lý)
9502	9502.10 9502.91 9502.99	- Búp bê hình người	- nt-
9503	9503	- Các đồ chơi khác, mẫu thu nhỏ theo tỷ lệ, và các mẫu đồ chơi giải trí tương tự có hoặc không vận hành, các loại đồ chơi đồ trí	- nt-
	9503.10	- Tàu hỏa chạy điện và các đồ phụ trợ kèm theo	TCVN 5682-1992 TCVN 6238-1 : 1997 (An toàn đồ chơi trẻ em - Yêu cầu cơ lý)
	9503.30	- Các bộ xếp hình và đồ chơi xây dựng	-nt-
	9503.41	- Loại nhồi bông	-nt-
	9503.60 [*]	- Đồ chơi đồ trí	-nt-
	9503.80	- Đồ chơi có gắn động cơ	-nt-

2. Các mặt hàng xuất khẩu.

2.1. Phần Bộ Thủy sản phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường:

* Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng:

- Cục Bảo vệ Nguồn lợi thủy sản;
- Trung tâm Kiểm tra Chất lượng và Vệ sinh thủy sản;
- Các Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1, 2, 3.

Nhóm	Mã số HS	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
0302	0302	Cá tươi ướp lạnh... - Cá đông lạnh nguyên con, cá làm sẵn đông lạnh	Quy định 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế (Chỉ tiêu vi sinh)
0304	0304	Cá khúc (filê) và các loại thịt cá khác... - Cá filê đông lạnh	Quy định 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế (Chỉ tiêu vi sinh)

Nhóm	Mã số HS	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
0306	0306.11 ÷ 13	Động vật giáp xác...	
		- Tôm vỏ đông lạnh	TCVN 4381-92 (Chỉ tiêu vi sinh, SO ₂) (*)
		- Tôm thịt đông lạnh	TCVN 4380-92 (Chỉ tiêu vi sinh, SO ₂) (*)
		- Tôm thịt đông lạnh IQF	TCVN 5835-94 (Chỉ tiêu vi sinh, SO ₂) (*)
		- Tôm mũ ni đông lạnh	TCVN 4546-94 (Chỉ tiêu vi sinh, SO ₂) (*)
		- Tôm thịt luộc chín đông lạnh	TCVN 4380-92 (Chỉ tiêu vi sinh, SO ₂) (*)
0307	0306.19	- Ghẹ miếng đông lạnh	28 TCN 103 : 1997
	0307.41	Động vật thân mềm, có mai... - Mực đông lạnh	
	0307.31	- Mực nang phi lê ăn liền đông lạnh - Nhuyễn thể hai vỏ đông lạnh xuất khẩu	
1604		Cá chế biến hoặc bảo quản...	
	1604.13	- Đồ hộp cá trích	Codex Stand 94-1981
	1604.14	- Đồ hộp cá ngừ	28 TCN 106-1997 (Chỉ tiêu vi sinh, histamin, kim loại nặng)
	1604.20	Cá khô tẩm gia vị ăn liền	TCVN 6175-1996 (Chỉ tiêu vi sinh, chất bảo quản)
1605		Các sản phẩm từ động vật giáp xác, thân mềm...	
	1605.10	- Mực khô tẩm gia vị ăn liền	TCVN 1675-1996 Quy định 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế (Chỉ tiêu vi sinh)
	1605.20	- Tôm bao bột chiên - Há cảo - Ghẹ thịt nhồi mai	- nt - - nt - - nt -

09660300

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

(*) Các sản phẩm tôm đông lạnh phải được kiểm tra chỉ tiêu Bisunphit theo Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế, và chỉ tiêu vi sinh theo các tiêu chuẩn cụ thể cho từng sản phẩm có trong Danh mục này.